



Ký bởi: BỘ TỔNG THAM MUỖ
Ngày ký: 03-02-2026 17:30:20
+07:00

BỘ QUỐC PHÒNG
BAN TUYỂN SINH QUÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 402/QĐ-TSQS

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh Kỳ thi đánh giá năng lực vào đào tạo đại học, cao đẳng khối các trường Quân đội năm 2026 và những năm tiếp theo

TRƯỞNG BAN TUYỂN SINH QUÂN SỰ BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; số 03/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022;

Căn cứ Thông tư số 41/2025/TT-BQP ngày 07/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội; Quyết định số 3686/QĐ-BQP ngày 10/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Đề án “Tổ chức tuyển sinh đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quân huấn-Nhà trường, Cơ quan Thường trực Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng tại Tờ trình số 591/TTr-QNNT ngày 26/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Thông tin tuyển sinh Kỳ thi đánh giá năng lực vào đào tạo đại học, cao đẳng khối các trường Quân đội năm 2026 và những năm tiếp theo.

Nội dung chi tiết: Có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Cục Quân huấn - Nhà trường, Cơ quan Thường trực Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng phối hợp với các cơ quan, đơn vị, nhà trường công bố Thông tin tuyển sinh Kỳ thi đánh giá năng lực vào đào tạo đại học, cao đẳng khối các trường Quân đội năm 2026 và những năm tiếp theo trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng và các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Quân huấn-Nhà trường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c TTMT (để b/c);
- Đ/c PTTMT Lê Văn Hường;
- Vụ GDĐH/Bộ GD&ĐT (để phối hợp);
- C11, C12, C13, C20, C31, C37, C41, C55, C56, C57, C85; Ban TNQĐ;
- Công TTĐT BQP;
- Các học viện: HC, KTQS, QY, KHQS, PK-KQ, HQ, BP;
- Các trường sĩ quan: LQ1, LQ2, CT, ĐC, PH, PB, TTG, KQ, TT, CB; ~~KTQS~~;
- Các trường cao đẳng: PKKQ, KTHQ, KTTT, KTMM, CNQP;
- Lưu: VT, B12. T39.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
Trung tướng Lê Văn Hường**

Phụ lục
THÔNG TIN TUYỂN SINH
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀO ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
KHỎI TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NĂM 2026 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1482/QĐ-TSQS ngày 03/02/2026
của Ban TSQS Bộ Quốc phòng)

I. CĂN CỨ TỔ CHỨC KỲ THI

1. Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

2. Nghị quyết số 290-NQ/QUTW ngày 07/01/2026 của Quân ủy Trung ương về đột phá phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội.

3. Thông tư số 08/2022/TT-BGD&ĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2025/TT- BGDDT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

4. Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

5. Thông tư 41/2025/TT-BQP ngày 07/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về Quy định và hướng dẫn công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội.

6. Quyết định số 6154/QĐ-BQP ngày 01/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Ban Tuyển sinh quân sự (TSQS) các cấp và Hội đồng Tuyển sinh nhà trường Quân đội;

7. Quyết định số 3686/QĐ-BQP ngày 10/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Đề án “Tổ chức tuyển sinh đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”;

8. Kế hoạch số 6816/KH-BQP ngày 27/10/2025 của Bộ Quốc phòng triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục vào đào tạo.

II. BÀI THI, MỤC ĐÍCH VÀ TÍNH CHẤT KỲ THI

1. Bài thi

Tên tiếng Việt: Bài thi Đánh giá năng lực phục vụ tuyển sinh đại học, cao đẳng khỏi các trường Quân đội.

Tên tiếng Anh: Competency assessment exam for admission to military academies and colleges.

Ký hiệu: QDA

2. Mục đích của kỳ thi

Kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) phục vụ tuyển sinh đại học, cao đẳng khỏi các trường Quân đội được tổ chức với các mục đích sau:

- Đánh giá năng lực học sinh bậc trung THPT phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Định hướng ngành nghề cho người học trên nền tảng năng lực cá nhân.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu cho các trường Quân đội sử dụng kết quả kỳ thi để tuyển sinh đại học, cao đẳng.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu cho các trường ngoài Quân đội sử dụng phục vụ công tác giáo dục, đào tạo (nếu có nhu cầu).

3. Tính chất của kỳ thi

Kỳ thi ĐGNL phục vụ tuyển sinh đại học, cao đẳng khối các trường Quân đội do Ban TSQS Bộ Quốc phòng tổ chức; kỳ thi được tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ ở các mức độ khác nhau phục vụ xét tuyển đại học, cao đẳng.

4. Danh sách các đơn vị Quân đội sử dụng kết quả thi

Các đơn vị sử dụng kết quả thi để tuyển vào hệ quân sự năm 2026 là 23 trường gồm: Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y, Học viện Hậu cần, Học viện Hải quân, Học viện Phòng không-Không quân, Học viện Biên phòng, Học viện Khoa học quân sự, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2, Trường Sĩ quan Chính trị, Trường Sĩ quan Đặc công, Trường Sĩ quan Phòng hóa, Trường Sĩ quan Pháo binh, Trường Sĩ quan Công binh, Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp, Trường Sĩ quan Thông tin, Trường Sĩ quan Không quân, Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Phòng không-Không quân, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải quân, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mật mã, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin, Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC KỲ THI

1. Thời gian tổ chức thi

- Năm 2026 tổ chức một đợt thi vào tuần 3 tháng 6, sau Kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Lịch thi ĐGNL có thể điều chỉnh theo lịch thi tốt nghiệp THPT hằng năm và tình hình thực tế. Ban TSQS Bộ Quốc phòng thông báo lịch thi trước thời gian đăng ký dự thi tối thiểu 01 tháng.

2. Địa điểm tổ chức thi

- Ban TSQS Bộ Quốc phòng tổ chức kỳ thi đồng thời tại 3 địa điểm:

+ Khu vực miền Bắc tại Học viện Kỹ thuật quân sự (236, Hoàng Quốc Việt, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).

+ Khu vực miền Trung tại Trường Sĩ quan Thông tin (101, Mai Xuân Thưởng, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa).

+ Khu vực miền Nam tại Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai).

- Trường hợp số lượng thí sinh lớn, Ban TSQS Bộ Quốc phòng có thể phối hợp với các trường đại học trong khu vực để tổ chức kỳ thi.

- Bộ Quốc phòng duy trì tổ chức các điểm thi hằng năm và mở rộng quy mô khi cần thiết.

IV. DẠNG THỨC VÀ CẤU TRÚC BÀI THI

1. Dữ liệu nguồn đề thi

Ban TSQS Bộ Quốc phòng phối hợp với Viện Đào tạo số và Khảo thí, ĐHQGHN xây dựng ngân hàng đề thi.

2. Dạng thức bài thi

Bài thi ĐGNL phục vụ tuyển sinh đại học, cao đẳng khối các trường quân đội do Ban TSQS Bộ Quốc phòng tổ chức được xây dựng theo hướng đánh giá các năng lực cốt lõi của học sinh THPT đạt được theo chương trình giáo dục phổ thông quốc gia năm 2018.

Thông qua nội dung chương trình giáo dục phổ thông, bài thi đánh giá các nhóm năng lực cốt lõi: Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực tìm hiểu, khám phá và ứng dụng khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và một số năng lực đặc thù: Lập luận, tư duy logic, tính toán, năng lực ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng Anh.

3. Cấu trúc bài thi

Phần 1 (Toán học và xử lý số liệu/Tư duy định lượng): 80 phút, 50 câu hỏi (35 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn và 15 câu hỏi điền đáp án); thang điểm: 50.

Phần 2 (Văn học - Ngôn ngữ /Tư duy định tính): 55 phút, 50 câu hỏi (trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn) trong đó có 25 câu hỏi đơn và 05 chùm câu hỏi gồm 1 ngữ cảnh đi kèm 05 câu hỏi; thang điểm: 50.

Phần 3 (Khoa học hoặc Tiếng Anh): 60 phút, 50 câu hỏi (trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn và điền đáp án); thang điểm: 50. Thí sinh lựa chọn phần thi Khoa học hoặc Tiếng Anh:

- Phần thi Khoa học thí sinh chọn 1 trong 04 tổ hợp sau:

- + Vật lý, Hóa học.
- + Hóa học, Sinh học.
- + Vật lý, Sinh học.
- + Lịch sử, Địa lý.

Mỗi môn trong tổ hợp có 25 câu hỏi, trong đó có các câu hỏi đơn và từ 01 đến 03 chùm câu hỏi gồm 01 ngữ cảnh đi kèm 03 câu hỏi. Mỗi môn trong tổ hợp thuộc lĩnh vực tự nhiên có 01 câu hỏi điền đáp án.

- Phần Tiếng Anh gồm 50 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn trong đó có 35 câu hỏi đơn và 03 chùm câu hỏi gồm 01 ngữ cảnh đi kèm 05 câu hỏi về từ vựng, ngữ pháp, diễn đạt trong văn bản viết, đọc hiểu văn bản, hình hướng.

4. Mã bài thi

Mã bài thi	Phần 1	Phần 2	Phần 3	
QĐ01	Toán học và xử lý số liệu	Văn học - Ngôn ngữ	Khoa học	Vật lý, Hóa học
QĐ02			(lựa chọn	Hóa học, Sinh học
QĐ03			một trong 4	Vật lý, Sinh học.
QĐ04			tổ hợp)	Lịch sử, Địa lý.
QĐ05			Tiếng Anh	Tiếng Anh



5. Cấu trúc chi tiết của đề thi

Nội dung	Lĩnh vực kiến thức/chuyên môn	Dạng thức câu hỏi	Số câu hỏi	Mục tiêu đánh giá
A. BẮT BUỘC: - Phần 1: 50 câu hỏi Toán học và Xử lý số liệu (<i>chưa gồm câu hỏi thử nghiệm không tính điểm</i>). - Phần 2: 50 câu hỏi Văn học - Ngôn ngữ (<i>chưa gồm câu hỏi thử nghiệm không tính điểm</i>).				
Phần 1. Toán học và Xử lý số liệu Thời gian: 80 phút Thang điểm: 50	Số học và Đại số (số học, mệnh đề, tập hợp, biểu thức đại số, hàm số và đồ thị, phương trình và hệ phương trình, bất phương trình và hệ bất phương trình, lượng giác, lũy thừa, mũ, logarit, dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân, đại số tổ hợp...); Một số yếu tố giải tích (giới hạn, hàm số liên tục, đạo hàm, nguyên hàm, tích phân...); Hình học phẳng và hình học không gian; Đo lường; Thống kê và xác suất; Tổng hợp và tư duy toán học.	- 35 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn/01 đáp án đúng duy nhất. - 15 câu điền đáp án.	50	Thông qua lĩnh vực Toán học và Xử lý số liệu đánh giá năng lực chung: Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực toán học (tư duy logic và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng các công cụ và phương tiện học toán; vận dụng toán học kết nối toán học với thực tiễn, với khoa học tự nhiên, xã hội cũng như khả năng tự tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến toán học trong cuộc sống.
Phần 2. Văn học - Ngôn ngữ Thời gian: 55 phút Thang điểm: 50	Ngữ liệu liên quan đến nhiều lĩnh vực trong đời sống, văn học, ngôn ngữ (từ vựng - ngữ pháp, ngữ nghĩa, hoạt động giao tiếp, sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ, hành văn), văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lí, nghệ thuật, ...	- 50 câu hỏi trắc nghiệm khách quan bốn lựa chọn trong đó có 25 câu hỏi đơn và 05 chùm câu hỏi gồm 01 ngữ cảnh đi kèm 05 câu hỏi.	50	Thông qua lĩnh vực Văn học - Ngôn ngữ ĐGNL chung: giải quyết vấn đề, tự chủ - tự học; Năng lực lập luận, tư duy logic, ngôn ngữ tiếng Việt; Năng lực đặc thù ngôn ngữ (vận dụng kiến thức để đọc hiểu các văn bản khó, phân tích, đánh giá biểu đạt của văn bản/sáng tạo về ngôn ngữ, hành văn; phân tích văn bản có đề tài tương đối phức tạp; đánh giá, so sánh giá trị của tác phẩm văn học) và văn học (nhận biết được đặc trưng và thể loại hình tượng văn học, phân tích và đánh giá được nội dung tư tưởng và cách thể hiện nội dung tư tưởng trong văn bản văn học; thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng).



Nội dung	Lĩnh vực kiến thức/chuyên môn	Dạng thức câu hỏi	Số câu hỏi	Mục tiêu đánh giá
B1. TỰ CHỌN KHOA HỌC: - Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp: Vật lý-Hóa học, Hóa học-Sinh học, Vật lý-Sinh học, Lịch sử-Địa lý. - Tổng số câu hỏi 50 (chưa gồm câu hỏi thử nghiệm không tính điểm)				
Phần 3. Khoa học Chọn 02 trong 05 môn theo 04 tổ hợp. Thời gian: 60 phút Thang điểm: 50	1. Vật lý: Động học; động lực học; công, năng lượng và công suất; động lượng; chuyển động tròn; biến dạng của vật rắn; dao động; sóng; điện, từ, vật lý nhiệt, khí lý tưởng, hạt nhân và phóng xạ; quy trình thí nghiệm/thực hành...		25	Thông qua các môn học: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử và Địa lý đánh giá nhóm năng lực chung: giải quyết vấn đề và sáng tạo; một số năng lực khoa học/đặc thù (nhận thức, tìm hiểu, khám phá và vận dụng giải quyết vấn đề trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội); khả năng tự chủ và tự học trên cơ sở nắm vững hệ thống tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội.
	2. Hóa học: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, liên kết hóa học, năng lượng hóa học; động hóa học, điện hóa học; hóa học vô cơ và các nguyên tố; đại cương kim loại; kim loại và phức chất hóa học; các dãy hydrocarbon; dẫn xuất halogen - alcohol- phenol; các hợp chất carbonyl; chất béo (ester - lipid); carbohydrate; hợp chất chứa nitrogen, sulfur; hợp chất polymer; dữ liệu về phổ hồng ngoại (IR), phổ khối (MS); thí nghiệm/thực hành....	- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn/01 đáp án đúng duy nhất và 01 câu điền đáp án cho mỗi môn thuộc Vật lý, Hóa học, Sinh học. - Từ 1 đến 3 chùm câu hỏi gồm 1 ngữ cảnh đi kèm 3 câu hỏi.	25	
	3. Sinh học: Các cấp độ tổ chức của thế giới sống, sinh học tế bào, vi sinh vật và virus, sinh học cơ thể, trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng, sinh trưởng và phát triển, cảm ứng, di truyền học, tiến hóa, sinh thái học và môi trường, sinh học phân tử, kiểm soát sinh học, quy trình thí nghiệm/thực hành....		25	



Nội dung	Lĩnh vực kiến thức/chuyên môn	Dạng thức câu hỏi	Số câu hỏi	Mục tiêu đánh giá
	4. Lịch sử: Lịch sử thế giới (cận đại và hiện đại), lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Việt Nam cận - hiện đại, lịch sử Việt Nam và một số chuyên đề danh nhân lịch sử, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam...	- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất.	25	
	5. Địa lí: Địa lí đại cương, địa lí kinh tế - xã hội thế giới, địa lí Việt Nam (tự nhiên, dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các ngành kinh tế, các vùng kinh tế...)		25	
B2. TỰ CHỌN TIẾNG ANH: Tổng số câu hỏi 50 (chưa gồm 1 câu hỏi thử nghiệm không tính điểm)				
Phần 3. Tiếng Anh Thời gian: 60 phút Thang điểm: 50	Từ vựng, ngữ pháp, khả năng giao tiếp, diễn đạt viết.	Câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất	30	Thông qua các câu hỏi về từ vựng, ngữ pháp, diễn đạt câu theo các cách khác nhau, kết hợp câu,... để đánh giá khả năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp trong giao tiếp, hành văn,...
	Đọc hiểu văn bản.	Câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn/1 đáp án duy nhất xây dựng từ 3 ngữ cảnh chùm 5 câu hỏi/ngữ cảnh	15	Thông qua đoạn văn, ngữ cảnh để đánh giá khả năng đọc hiểu; xác định thông tin còn khuyết trong văn bản; xác định ý chính; xác định cấu trúc văn bản; hiểu mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả; hiểu thông tin chi tiết; xác định nghĩa của từ và cụm từ trong văn bản; hiểu thông tin chứa hình ảnh,...
	Suy luận và giải quyết tình huống.	Câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn/1 đáp án đúng duy nhất.	5	Đánh giá khả năng thông thạo, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh qua các câu hỏi suy luận, giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống,...

6. Hình thức thi

Thí sinh làm bài thi trực tiếp trên máy tính tại các phòng thi đủ tiêu chuẩn.

7. Phương pháp làm bài

Thí sinh thực hiện bài thi theo hướng dẫn. Đối với các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn: Thí sinh lựa chọn một đáp án đúng duy nhất (A, B, C, D) cho mỗi câu hỏi. Đối với các câu hỏi điền đáp án: nhập đáp án vào ô trống dạng số nguyên dương, nguyên âm (ví dụ: -1) hoặc phân số tối giản (ví dụ: -3/4); không nhập đơn vị vào ô đáp án.

8. Phương pháp chấm điểm

Điểm của bài thi được chấm tự động bằng phần mềm thi đánh giá năng lực. Kết quả bài thi được hiển thị trên màn hình máy tính sau khi thí sinh kết thúc bài làm hoặc hết thời gian thi theo quy định. Tổng điểm của toàn bài thi là 150 điểm. Điểm bài thi được xác định dựa trên tổng số câu trả lời đúng của mỗi câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, câu trả lời sai hoặc không trả lời không được tính điểm (các câu hỏi thử nghiệm không tính điểm). Điểm của bài thi là tổng điểm của ba phần thi, trong đó mỗi phần thi tối đa 50 điểm. Bảng điểm kết quả bao gồm điểm tổng (tối đa 150 điểm) và 3 đầu điểm thành phần: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học hoặc Ngoại ngữ.

9. Thời hạn của kết quả thi, quy đổi điểm thi trong xét tuyển

- Kết quả Kỳ thi QDA năm 2026 được các trường Quân đội sử dụng để xét tuyển trong tuyển sinh năm 2026.

- Điểm bài thi QDA được quy đổi về thang điểm xét tuyển chung giữa các phương thức xét tuyển theo quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

10. Công bố kết quả thi

Thí sinh được biết kết quả thi của mình ngay sau khi kết thúc bài thi và được Hội đồng thi cấp Giấy chứng nhận kết quả điểm thi.

V. ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Đối tượng dự thi

Thí sinh phải đủ các điều kiện sau:

- Đang học lớp 12 bậc THPT hoặc tương đương; người đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương trở lên) trong thời hạn theo quy định.

- Đã tham gia sơ tuyển, được Ban TSQS địa phương, đơn vị, nhà trường kết luận đủ điều kiện sơ tuyển vào đào tạo đại học, cao đẳng quân sự theo quy định của Bộ Quốc phòng trong năm tuyển sinh.

2. Điều kiện dự thi

Người dự thi phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây:

- Hoàn thành các yêu cầu đăng ký dự thi.

- Không trong thời gian bị cấm thi hay bị xử lý hình sự hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Điều 8, Thông tư số 05/2019/TT-BQP ngày



16/01/20219 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chính trị của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức và viên chức quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu dự thi được ghi trong phiếu báo dự thi; tìm hiểu quyền lợi và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm của thí sinh theo Quy chế thi hiện hành.

3. Hướng dẫn đăng ký dự thi

- Thông tin bắt buộc đối với thí sinh đăng ký dự thi gồm: Căn cước, số điện thoại di động, thư điện tử (email), ảnh chân dung (bản điện tử) chụp trong 6 tháng tính đến thời điểm đăng ký dự thi, ảnh trên phông nền trắng hoặc xanh dương, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính. Ảnh của thí sinh được sử dụng để in vào Phiếu báo điểm. Thông tin liên hệ và kết quả học tập các môn học của các học kỳ bậc THPT (kết quả học tập năm lớp 12 chưa bắt buộc tại thời điểm thí sinh đăng ký tài khoản). Thí sinh phải đọc và đồng ý với “Thỏa thuận của kỳ thi ĐGNL” trước khi đăng ký ca thi.

- Thời gian đăng ký dự kiến: Từ 20/4 đến 10/5/2026 (sau khi có kết quả sơ tuyển, Ban TSQS Bộ Quốc phòng sẽ công bố thời gian đăng ký chính thức).

- Phương pháp đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tuyến trên website của Bộ Quốc phòng.

4. Lệ phí

Theo quy định của Bộ Quốc phòng (Ban TSQS Bộ Quốc phòng sẽ công bố tại văn bản Hướng dẫn thí sinh tham gia kỳ thi). Lệ phí đã nộp không hoàn lại với bất kỳ lý do gì.

VI. THỦ TỤC DỰ THI VÀ LÀM BÀI THI

1. Thủ tục dự thi

Người dự thi có mặt tại phòng thi đúng thời gian quy định và xuất trình căn cước cho cán bộ coi thi; Chấp hành hiệu lệnh của điểm thi và hướng dẫn của cán bộ coi thi kiểm tra và xác minh nhân thân của thí sinh, thực hiện các yêu cầu đảm bảo an ninh, làm thủ tục đề nghị sửa chữa thông tin/chụp ảnh nhân thân (nếu có).

Tư trang của thí sinh (nếu có) không thuộc danh mục vật dụng được mang vào phòng thi phải để cách xa khu vực phòng thi tối thiểu 25m. Người dự thi tự bảo quản và chịu trách nhiệm về tư trang giá trị. Đơn vị tổ chức thi/phối hợp tổ chức thi không chịu trách nhiệm về sự hư hỏng, mất tài sản có giá trị của thí sinh gửi tại địa điểm thi.

2. Làm bài thi trên máy tính

Thí sinh dự thi được phát một phiếu tài khoản đăng nhập một lượt duy nhất. Tài khoản thi của thí sinh chỉ hoạt động duy nhất trên một máy tính tại cùng một thời điểm. Sau khi đăng nhập, thí sinh lựa chọn các phần thi của bài thi. Sau 45 giây, nếu thí sinh không đưa ra quyết định lựa chọn phần thi thứ ba, Hệ thống thi sẽ tự động chọn ngẫu nhiên phần thi lựa chọn.

Sau khi lựa chọn phần thi tự chọn, hệ thống phần mềm tổ chức thi sẽ sinh đề thi từ dữ liệu ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa theo ma trận và bản mô tả đặc tính

đề thi, đảm bảo tính nhất quán và duy nhất của kỳ thi. Thí sinh làm bài lần lượt từ phần thi thứ nhất và thứ hai (bắt buộc) rồi đến phần thi thứ ba (lựa chọn).

Bài thi QDA gồm 3 phần. Thí sinh làm lần lượt từng phần, chọn đáp án bằng cách nhấp chuột máy tính vào ô tròn trống (○), máy tính sẽ tự động ghi nhận và hiển thị thành ô tròn màu đen (●). Đối với các câu hỏi điền đáp án: nhập đáp án vào ô trống theo hướng dẫn. Thí sinh chỉ có thể làm lại câu hỏi trong cùng 1 phần.

Kết thúc thời gian làm bài hoặc nộp bài, màn hình sẽ hiển thị thông báo điểm thi trong 60 giây.

3. Công nhận hoặc hủy bỏ kết quả thi

Thí sinh hoàn thành bài thi theo Quy chế thi được Ban TSQS Bộ Quốc phòng gửi Phiếu báo điểm thi ĐGNL (bản số) sau 02 tuần kể từ ngày thi qua tài khoản thí sinh và Phiếu báo điểm thi ĐGNL (bản giấy) (nếu thí sinh đăng ký nhận bản giấy) sau khi kết thúc kỳ thi 03 tuần. Thí sinh hoặc các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có thể tra cứu kết quả điểm bài thi trên cổng thông tin kỳ thi ĐGNL nếu được ủy quyền.

Thí sinh vi phạm Quy chế thi ở mức độ đình chỉ thi sẽ bị hủy bỏ toàn bộ hồ sơ đăng ký dự thi; hủy tất cả các kết quả điểm bài thi ĐGNL trong năm của thí sinh bị đình chỉ thi; dừng phục vụ tất cả các đợt thi còn lại trong năm (nếu có); tùy theo mức độ vi phạm mà bị cấm đăng ký dự thi trong 02 năm tiếp theo; thông báo cho trường THPT, Sở GD&ĐT, hệ thống các trường đại học, cao đẳng sử dụng kết quả thi QDA xem xét hạ hạnh kiểm và hủy kết quả trúng tuyển. Thí sinh bị phát hiện đã gian lận trong đăng ký dự thi hoặc làm bài thi sẽ bị hủy bỏ kết quả thi. Đối với các hành vi có dấu hiệu vi phạm hình sự do cơ quan có thẩm quyền xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

VII. NĂNG LỰC TỔ CHỨC

1. Đơn vị, lực lượng tham gia tổ chức thi

- Các đơn vị phối hợp tổ chức thi là các học viện, trường sĩ quan, trường đại học, trường cao đẳng trong Quân đội và các cơ sở giáo dục đại học, các Sở GD&ĐT của một số tỉnh thành trong cả nước.

- Lực lượng chủ yếu tổ chức kỳ thi gồm:

+ Các trường Quân đội (54 trường) có 15.455 cán bộ, giảng viên cơ hữu gồm 19 giáo sư, 336 phó giáo sư, 1.950 tiến sĩ, 6.575 thạc sĩ, 6.930 cử nhân đang thực hiện các kỳ thi; cộng tác với hơn 50 chuyên gia công nghệ thông tin với kinh nghiệm trong việc xây dựng phần mềm đào tạo, thi tuyển, khảo thí đến từ các đơn vị thành viên thuộc ĐHQGHN.

+ Viện Đào tạo số và Khảo thí cử cán bộ tham gia gồm: Ủy viên Hội đồng thi và tham gia các ban giúp việc cho Hội đồng thi.

+ Cán bộ an ninh, công an, bảo vệ, sinh viên tình nguyện làm nhiệm vụ tại điểm thi.

+ Cán bộ, giảng viên các trường đại học dân sự tham gia tổ chức kỳ thi theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

2. Đội ngũ chuyên gia (Viện Đào tạo số và Khảo thí, ĐHQGHN)

Viện Đào tạo số và Khảo thí có 40 cán bộ cơ hữu gồm 01 phó giáo sư, 05 tiến sĩ, 24 thạc sĩ, 10 cử nhân đang thực hiện các kỳ thi môn chung, trong đó có 09 chuyên gia đo lường chất lượng giáo dục (03 tiến sĩ, 06 thạc sĩ), 08 cán bộ kỹ thuật cộng tác với hơn 20 chuyên gia công nghệ thông tin với kinh nghiệm trong việc xây dựng phần mềm đào tạo, thi tuyển, khảo thí đến từ các đơn vị thành viên thuộc ĐHQGHN; có trên 80 giảng viên/giáo viên tham gia viết và phản biện độc lập các câu hỏi đề thi. Các giảng viên/giáo viên tham gia phát triển ngân hàng câu hỏi đều được tập huấn, bồi dưỡng kỹ thuật viết câu hỏi phù hợp với dạng thức và bảng đặc tính kỹ thuật của bài thi. Các chuyên gia biên soạn và thẩm định các câu hỏi là cán bộ giảng dạy của các đơn vị trong ĐHQGHN.

3. Cơ sở vật chất

- Hệ thống phòng thi của Bộ Quốc phòng xây dựng tại Học viện Kỹ thuật quân sự (Hà Nội), Trường Sĩ quan Thông tin (Khánh Hòa), Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Đồng Nai); đáp ứng yêu cầu cho các kỳ thi có quy mô 630-650 thí sinh/ca thi tại 01 địa điểm (tổng 03 địa điểm là 1.900 thí sinh/ca thi).

- Thuê địa điểm thi tại các trường đại học khác (nếu số lượng thí sinh lớn).

Các địa điểm tổ chức thi đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của kỳ thi chuẩn hóa trên máy tính: Hệ thống máy tính, máy chủ kết nối mạng nội bộ độc lập, cấu hình trang thiết bị (phần cứng, phần mềm, phụ trợ...); hệ thống giám sát, y tế; cơ sở vật chất đảm bảo, phù hợp với quy mô tổ chức thi, an toàn trong phòng chống cháy, nổ; đảm bảo an ninh, trật tự của một kỳ thi.

4. Hạ tầng công nghệ thông tin

Ban TSQS Bộ Quốc phòng đang sở hữu hệ thống các phần mềm nhận diện thí sinh dự thi, đăng ký thi, tổ chức thi đánh giá năng lực. Hệ thống các phần mềm thường xuyên được nâng cấp, cập nhật.

5. Quy chế thi và hệ thống văn bản tác nghiệp

Kỳ thi được tổ chức theo quy định của Bộ Quốc phòng; Ban TSQS Bộ Quốc phòng xây dựng hệ thống văn bản phục vụ kỳ thi gồm:

- Hướng dẫn thí sinh dự thi.
- Hướng dẫn cán bộ tổ chức thi.
- Quy định tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật điểm thi.
- Hướng dẫn về công tác kết xuất dữ liệu đề nguồn từ ngân hàng câu hỏi thi;
- Tài liệu nghiệp vụ tổ chức thi (cán bộ coi thi, cán bộ kỹ thuật, giám sát...)/

Nhóm trường	TT	Tên trường, Ngành học	Tổ hợp xét tuyển năm 2026	Ký hiệu
2	1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Tin học	A0T (X06)
	2	HỌC VIỆN QUÂN Y		
		Ngành Y khoa (Bác sĩ đa khoa)	1. Toán, Hóa học, Sinh học	B00
			2. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			3. Toán, Hóa học, tiếng Anh	D07
		Ngành Dược	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Hóa học, tiếng Anh	D07
	3	HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ		
		Ngành Trinh sát kỹ thuật	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
		Ngành Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn	D01
		Ngành Ngôn ngữ Nga	1. Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn	D01
			2. Tiếng Nga, Toán, Ngữ văn	D02
		Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	1. Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn	D01
			2. Tiếng Trung Quốc, Toán, Ngữ văn	D04
		Ngành Quan hệ quốc tế	Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn	D01
1-2		HỌC VIỆN PK-KQ	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
Cao đẳng	1	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT THÔNG TIN	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Tin học	A0T (X06)
			4. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	2	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT MẬT MÃ	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Tin học	A0T (X06)
			4. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	3	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Tin học	A0T (X06)
			4. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	4	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HẢI QUÂN		
	5	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PKKQ		
	6	SĨ QUAN KHÔNG QUÂN (HỆ CAO ĐẲNG)	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01

TỔ HỢP XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

Nhóm trường	TT	Tên trường, Ngành học	Tổ hợp xét tuyển năm 2026	Ký hiệu
1	1	HỌC VIỆN HẬU CẦN	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
			4. Toán, Vật lý, Tin học	A0T (X06)
	2	HỌC VIỆN BIÊN PHÒNG Ngành Biên phòng	1. Ngữ văn, Toán, Địa lý	C04
			2. Ngữ văn, Toán, Lịch sử	C03
			3. Ngữ văn, Toán, tiếng Anh	D01
		Ngành Luật	1. Ngữ văn, Toán, Địa lý	C04
			2. Ngữ văn, Toán, Lịch sử	C03
			3. Ngữ văn, Toán, tiếng Anh	D01
	3	HỌC VIỆN HẢI QUÂN	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	4	TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 1	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	5	TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 2	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	6	TRƯỜNG SĨ QUAN CHÍNH TRỊ	1. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
			2. Toán, Ngữ văn, tiếng Anh	D01
			3. Ngữ văn, Toán, Lịch sử	C03
			4. Ngữ văn, Toán, Địa lý	C04
	7	TRƯỜNG SĨ QUAN PHÁO BINH	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	8	TRƯỜNG SĨ QUAN CÔNG BINH	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	9	TRƯỜNG SĨ QUAN THÔNG TIN	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Tin học	A0T (X06)
			4. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	10	TRƯỜNG SĨ QUAN KHÔNG QUÂN	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
	11	TRƯỜNG SĨ QUAN TĂNG THIẾT GIÁP	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	12	TRƯỜNG SĨ QUAN ĐẶC CÔNG	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Vật lý, tiếng Anh	A01
			3. Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01
	13	TRƯỜNG SĨ QUAN PHÒNG HÓA	1. Toán, Vật lý, Hóa học	A00
			2. Toán, Hóa học, Ngữ văn	C02
			3. Toán, Hóa học, tiếng Anh	D07